Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8439.91.00

Mã HS	8439.91.00
Mô tả hàng hóa	Máy chế biến bột giấy từ vật liệu sợi xenlulô hoặc máy dùng cho quá trình sản xuất hoặc hoàn thiện giấy hoặc bìa / - Bộ phận: / - - Của máy chế biến bột giấy từ vật liệu sợi xenlulô
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	04/11/2026 02:33:30
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84399100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K13856
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N13856
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q13856
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13167
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13108
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13108
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13108
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13108
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13108
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13108
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13162
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13162

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13162
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13162
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13162
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13162
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13163
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13163
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13163
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13163
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13163
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13163
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13166
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13114
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13122
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13122
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13122
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13122
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13122
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13122
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13153
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13153
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13153
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13153
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13153
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13153
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13202
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13202

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13202
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13202
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13202
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13202
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D13185
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E13185
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F13185
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G13185
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H13185
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I13185
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13185
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13185
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13185
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13185
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13185
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13185
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13200
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13200
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13200
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13200
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13200
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13200
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13199
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13199
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13199
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13199

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13199
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13199
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13179
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13179
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13179
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13179
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13179
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13179
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13179
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13187
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13187
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13187
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13187
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13187
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13187
RCEP B	2022	2022	0	B!D13187
RCEP B	2023	2023	0	B!E13187
RCEP B	2024	2024	0	B!F13187
RCEP B	2025	2025	0	B!G13187
RCEP B	2026	2026	0	B!H13187
RCEP B	2027	2027	0	B!I13187
RCEP C	2022	2022	0	C!D13187
RCEP C	2023	2023	0	C!E13187
RCEP C	2024	2024	0	C!F13187
RCEP C	2025	2025	0	C!G13187
RCEP C	2026	2026	0	C!H13187

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I13187
RCEP D	2022	2022	0	D!D13186
RCEP D	2023	2023	0	D!E13186
RCEP D	2024	2024	0	D!F13186
RCEP D	2025	2025	0	D!G13186
RCEP D	2026	2026	0	D!H13186
RCEP D	2027	2027	0	D!I13186
RCEP E	2022	2022	0	E!D13190
RCEP E	2023	2023	0	E!E13190
RCEP E	2024	2024	0	E!F13190
RCEP E	2025	2025	0	E!G13190
RCEP E	2026	2026	0	E!H13190
RCEP E	2027	2027	0	E!I13190
RCEP F	2022	2022	0	F!D13187
RCEP F	2023	2023	0	F!E13187
RCEP F	2024	2024	0	F!F13187
RCEP F	2025	2025	0	F!G13187
RCEP F	2026	2026	0	F!H13187
RCEP F	2027	2027	0	F!I13187
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12234
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12234
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12234
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12234

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8439.91.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8439.91.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N13856), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.